TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2017.
"V/v Ly hôn, quyền nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Đến.

2. Ông Vương Hoàng Phúc.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Dương Khởi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa***: Ông Cao Minh Dương, Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 274/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 về việc: "Ly hôn, quyền nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017 giữa đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Trường A, sinh 2008.

Địa chỉ: khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 7 năm 2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày: Vào năm 2008 chị Hường với anh Nguyễn Thanh N có kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn. Trong khoảng thời gian sống chung với nhau thì vợ chồng chị sống rất hạnh phúc và hạ sinh được 02 đứa con chung tên Nguyễn Trường A, sinh ngày 25

tháng 12 năm 2008 và Nguyễn Trường G, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2013. Năm 2015 vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, lý do anh N thường xuyên nhậu nhẹt bê tha về nhà đánh chửi chị, từ đó dẫn đến cuộc sống không còn hạnh phúc. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N; về con chung tên An, và G, khi ly hôn chị đồng ý giao cho anh N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 đứa con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh N trình bày và yêu cầu: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn Võ Thị H là đúng về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay anh đồng ý ly hôn với chị H, về con chung anh yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19 tháng 7 năm 2017 và yêu cầu vẫn giữ nguyên nội dung như đơn khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh N. Về con chung có 02 cháu là A và G, chị H đồng ý giao cho anh N nuôi dưỡng chị không cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, về nợ chung không có, chị không yêu cầu gì khác.

- Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14 tháng 8 năm 2017 vẫn giữ nguyên lời trình bày là đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung, anh yêu cầu được nuôi 02 con chung và anh không yêu cầu cấp dưỡng cho con, về tài sản chung và về nợ chung thì thống nhất với lời trình bày của chị H, anh cũng không yêu cầu gì khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định. Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành về nội dung giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định của khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ hôn nhân: đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Xét thấy cả hai không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm giúp đỡ nhau trong cuộc sống và mục đích hôn nhân của cả hai không còn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

+ Về nuôi con chung: anh N yêu cầu được nuôi 02 con chung là An và G, phù hợp với lời khai của cháu A, và anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con, chị H có lời khai là đồng ý giao con chung cho anh N và không cấp dưỡng

nuôi con. Nên đề nghị hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu A và cháu G cho anh N được quyền nuôi con, chị H không phải cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung và về nợ chung không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: các đương sự phải chịu theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án này là: ly hôn, quyền nuôi con, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về hôn nhân: chị Võ Thị H và anh Nguyễn Thanh N kết hôn với nhau năm 2008, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, theo giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 01 tháng 8 năm 2008, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh N là hợp pháp theo quy định của pháp luật. Chị H và anh N chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, theo như chị H trình bày là do anh N thường xuyên nhậu nhẹt, về còn đánh đập vợ con và chị đã ly thân với anh từ năm 2015 cho đến nay, anh N trình bày là do chị H có quen biết với người đàn ông khác bị anh bắt gặp và anh chị đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Xét, hôn nhân giữa chị H với anh N là có mâu thuẫn, anh chị cũng thống nhất ly hôn nhưng do hai bên chưa gặp mặt trực tiếp để thỏa thuận do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn sống chung tiếp, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H với anh N.

[3] Về con chung: theo chị H và anh N trình bày thì có 02 con chung tên Nguyễn Trường A và Nguyễn Trường G. Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án 02 cháu sống chung với anh N, cũng như theo nguyên vọng của cháu A là yêu cầu được sống chung với anh N, chị H đồng ý để 02 con sống chung với anh N sau khi chị với anh ly hôn với nhau và chị H không cấp dưỡng cho con, anh N cũng đồng ý. Nên có cơ sở giao cháu A, cháu G cho anh N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và không đặt ra xem xét về vấn đề cấp dưỡng cho con. Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh N cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung: anh N và chị H xác định là không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: anh N và chị H xác định là không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị H phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 228 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị H.

1. Về hôn nhân: Tuyên xử cho chị Võ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trường A, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2008 và Nguyễn Trường G, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2013 cho anh Nguyễn Thanh N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí: chị Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012283 ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị H không phải nộp tiếp. Anh N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án,

người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hoàng Nguyên